

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân khai kế hoạch vốn và danh mục chuẩn bị đầu tư XDCB năm 2017
Nguồn vốn: Vốn xây dựng cơ bản ngân sách huyện (Mục chuẩn bị đầu tư)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về việc xác định danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính-KH huyện tại Tờ trình số 429/TTr-TCKH, ngày 31. tháng 7. năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân khai kế hoạch vốn và danh mục chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017, nguồn vốn: Vốn xây dựng cơ bản ngân sách huyện (Mục chuẩn bị đầu tư). Cụ thể như sau:

1. Về danh mục công trình chuẩn bị đầu tư được phân khai đúng theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về việc xác định danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2017. Gồm: 40 công trình với khái toán tổng mức đầu tư là 95.283 triệu đồng trên tổng nguồn vốn thực hiện là 42.372 triệu đồng.

2. Về kế hoạch vốn CBĐT phân khai là: 600 triệu đồng từ nguồn ngân sách huyện. Ưu tiên phân khai vốn chuẩn bị đầu tư cho các công trình sử dụng ngân sách huyện 100%; các công trình sử dụng nguồn vốn tỉnh nhưng huyện phải chuẩn bị đầu tư ... Các công trình còn lại không bố trí vốn nhằm mục tiêu không bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dàn trải, không hiệu quả.

(Kèm phụ biểu chi tiết)

Điều 2. Các đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các công trình được phân khai vốn phải sử dụng, quản lý vốn hiệu quả, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Kinh tế & HT huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UB huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VP. HĐND-UBND huyện.

CHỦ TỊCH



Tạ Châu Lâm

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô năng lực	Thời gian thực hiện DA	Dự kiến TMĐT	Cân đối nguồn vốn 2018			Phân khai KH vốn CBĐT 2017	Tỷ lệ % vốn	Ghi chú
							Tổng cộng	Tinh HTMT	Vốn NShuyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG					95.283	42.372	24.413	17.959	600		
A	Vốn TW + tinh HTMT					67.333	28.188	24.413	3.775	270		
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới					62.833	24.588	20.813	3.775	270		
a	NTM xã điểm Tân Hà					50.346	19.238	18.053	1.185	270		
1	Nâng cấp đường TAH.24	Tân Hà	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 3.160m	2018	4.000	1.740	1.200	540	0	Tinh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Đường nội đồng, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
2	Nâng cấp đườngTAH.23	Tân Hà	Ban QLDA	NC CPSD, mặt 5m, dài 2.002m	2018	861	375	260	115	0	Tinh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Đường nội đồng, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
3	Nâng cấp đườngTAH.21	Tân Hà	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 2.035m	2018	1.804	790	545	245	0	Tinh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Đường nội đồng, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
4	Nâng cấp đườngTAH.12	Tân Hà	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 556m	2018	561	240	115	125	0	Tinh 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
5	Nâng cấp đườngTAH.19	Tân Hà	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 395m	2018	490	215	150	65	0	Tinh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Đường nội đồng, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
6	SC nâng cấp nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Kiên	Tân Hà	Ban QLDA	SC nâng cấp NVH 145m2, mái che, vệ sinh, thiết bị	2018	250	115	90	25	0	Tinh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
7	SC nâng cấp nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Dũng	Tân Hà	Ban QLDA	SC nâng cấp NVH 145m2, mái che, vệ sinh, thiết bị	2018	250	115	90	25	0	Tinh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
8	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Cường	Tân Hà	Ban QLDA	NVH 145m2, vệ sinh, thiết bị	2018	500	225	180	45	0	Tinh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
9	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng xã Tân Hà	Tân Hà	Ban QLDA	Hội trường 190 chỗ + 2 P chức năng, cải tạo 3 P cũ	2018	3.630	1.820	1.820		50	Tinh 100%	Năm 2018 bố trí 50%
10	Trường mẫu giáo Tân Hà (ấp Tân Trung)	Tân Hà	Ban QLDA	04 phòng học + 09 phòng chức năng	2018-2019	9.500	3.753	3.753		70	Tinh 100%	Năm 2018 bố trí 40%
11	Trường THCS Tân Hà	Tân Hà	Ban QLDA	5 P học + 7 P chức năng	2018-2020	8.800	3.050	3.050		60	Tinh 100%	Bố trí vốn 03 năm: Năm 2018 bố trí 35%

1	Dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô năng lực	Thời gian thực hiện DA	Dự kiến TMBT	Cân đối nguồn vốn 2018			Phân khai KH vốn CBĐT 2017	Tỷ lệ % vốn	Ghi chú
							Tổng cộng	Tính HTMT	Vốn NShuyện			
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
12	Trường TH Tân Hà (ấp Tân Kiên)	Tân Hà	Ban QLDA	11 phòng học lâu + 17 phòng chức năng	2018-2020	19.700	6.800	6.800		90	Tính 100%	Bổ trí vốn 03 năm: Năm 2018 bổ trí 35%
b	NTM các xã khác					12.487	5.350	2.760	2.590	0		
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Hội Tân	Tân Hội	UB xã Tân Hội	145 m2, vệ sinh, thiết bị	2018	500	225	180	45	0	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
2	Nâng cấp đường Tân Thành 17 Tân Đông (đường trực áp)	Tân Thành	UB xã Tân Thành	Láng nhựa, mặt đường 3,5m, lề 0,75m x 2, dài 1.500m	2018	2.900	1.235	585	650	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường trực áp, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
3	Đường số 3-3 (đường trực áp), xã Tân Hội	Tân Hội	UB xã Tân Hội	BTXM, mặt 3,5m, dài 800m	2018	1.560	665	315	350	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường trực áp, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
4	NC Đường tổ 12 ấp Tân Lợi	Tân Phú	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 1.100m	2018	830	355	170	185	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
5	Đường BTXM cấp văn phòng ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp (Thị.19)	Tân Hiệp	UB xã Tân Hiệp	BTXM, mặt 3,5m, dài 605,01m	2018	1.280	545	260	285	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Đồng Kèn	Tân Thành	Ban QLDA	145 m2, vệ sinh, thiết bị	2018	500	225	180	45	0	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
7	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Suối Dây	UB xã Suối Dây	145 m2, vệ sinh, thiết bị	2018	500	225	180	45	0	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	NVH ấp, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
8	Đường THI.34 nối dài	Tân Hiệp	Ban QLDA	CPSD, mặt đường rộng 4m, dài 396m	2018	390	165	80	85	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
9	Đường 39 nối dài	Tân Phú	Ban QLDA	CPSD, mặt đường rộng 5m, dài 1380m	2018	1.492	635	300	335	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
10	Đường 28-28 Tân Hội	Tân Hội	Ban QLDA	CPSD, mặt 5m, dài 1.000m	2018	765	325	155	170	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ
11	Đường Thanh Đông 14 ấp Thạnh Hòa	Thạnh Đông	UB xã Thạnh Đông	Sửa chữa đoạn đường sỏi đá dài 500m, nâng cấp đoạn đường đất bằng CPSD, mặt 5m, dài 545,5m	2018	520	220	105	115	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bổ trí 50%, vốn huyện bổ trí 45% theo tỷ lệ

STT	Dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô năng lực	Thời gian thực hiện DA	Dự kiến TMDT	Cân đối nguồn vốn 2018			Phân khai KH vốn CBĐT 2017	Tỷ lệ % vốn	Ghi chú
							Tổng cộng	Tính HTMT	Vốn NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
12	Đường sỏi đỏ KDC Bó Kết, xã Tân Hưng	Tân Hưng	Ban QLDA	CPSĐ, mặt 5m, dài 1.387m	2018	1.250	530	250	280	0	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VĐ 10%	Đường ngõ xóm, năm 2018 vốn tỉnh bố trí 50%, vốn huyện bố trí 45% theo tỷ lệ
II	Vốn Chương trình mục tiêu QG giảm nghèo bền vững (135)					4.500	3.600	3.600	0	0		
1	Đường TAH.20 (đường xóm)	Tân Hà	UB xã Tân Hà	CPSĐ, mặt 5m, dài 1.034m	2018	1.100	900	900		0	900 tr đồng/xã/năm	Các xã cam kết vận động đối ứng phần vốn vượt hơn so định mức quy định là 900 tr đồng/xã/năm
2	Đường Tân Hòa 2 (đoạn 6)	Tân Hòa	UB xã Tân Hoà	Láng nhựa, mặt đường 3,5m, lề 1,5m x 2, dài 550m	2018	1.000	900	900		0	900 tr đồng/xã/năm	
3	Đường sỏi đỏ (tổ 3), ấp 5	S.Ngô	UB xã S.Ngô	Nâng cấp CPSĐ 1000m	2018	800	515	515		0	900 tr đồng/xã/năm	
4	Đường BTXM (tổ 6-7), ấp 2	S.Ngô	UB xã S.Ngô	BTXM dài 300m, mặt đường rộng 3,5m, lề đường 0,75m x 2 bên	2018	600	385	385		0	900 tr đồng/xã/năm	
5	Trái nhựa đường TĐ.03 Đông Hiệp – Đông Thành (giai đoạn 2).	Tân Đông	UB xã Tân Đông	láng nhựa 2 lớp TCN 3kg/m ² , mặt đường rộng 3.5m, lề đường rộng 1.5m x 2 bên, chiều dài tuyến 450m.	2018	1.000	900	900		0	900 tr đồng/xã/năm	
B	Vốn XDCB NS huyện					27.950	14.184	0	14.184	330		
1	Công trình CBĐT 2017					27.950	11.889	0	11.889	330		
1	Trường TH Suối Dây A	Suối Dây	Ban QLDA	6 phòng học	2018	2.600	2.149		2.149	0	Vốn NS huyện	Định mức 3,000 triệu đồng / năm, bố trí thanh toán công nợ 851 triệu đồng, còn lại 2,149 triệu đồng bố trí khởi công mới.
2	XD Vĩa hè và SC đường ĐH 812 (Điểm đầu nối đg 785, điểm cuối qua chợ Tân Đông đến hết ranh chợ)	Tân Đông	Ban QLDA	BT đá 1x2 vĩa hè dày 4cm, thoát nước. Đầm vĩa, láng nhựa dài 580m, rộng 5m	2018	2.051	1.230		1.230	50	Vốn NS huyện	Bố trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
3	NLV Công an + xã đội Tân Hà	Tân Hà	Ban QLDA	Xây mới NVL CA+XD	2018	2.600	1.500		1.500	0	Vốn NS huyện + NS xã + VĐ	NS Huyện hỗ trợ tối đa 1,500 tr đồng, còn lại NS xã + vận động đối ứng
4	Hệ thống mương thoát nước phía thượng nguồn Trường tiểu học Suối Ngô C	Suối Ngô	Ban QLDA	Dài 120m, mương hở BTCT 0,75m*1m	2018	985	590		590	40	Vốn NS huyện	Bố trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
5	Nhà ăn, nhà vệ sinh, công hàng rào Công an huyện	Thị trấn	Ban QLDA	Nhà ăn, vệ sinh, công hàng rào mặt trước	2018	1.500	900		900	50	Vốn NS huyện	Bố trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
6	Hạ tầng Chợ Suối Dây	Suối Dây	Ban QLDA	72 sạp, 58 kiốt	2018-19	12.118	1.500		1.500	0	Vốn NS huyện + NS xã + VĐ	NS Huyện hỗ trợ tối đa 3 tỷ, còn lại do tiêu thương đóng góp, thực hiện 02 năm, năm 2018 bố trí 50%
7	Công trình phổ thông chột dân quân Mít mọi	Tân Đông	Ban QLDA	Công trình phổ thông (khu huấn luyện thể lực), vật chất, trang bị (phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, TTLL quan sát)	2018	74	70		70	0	Vốn NS huyện	Bố trí đủ vốn

STT	Dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô năng lực	Thời gian thực hiện DA	Dự kiến TMBT	Cân đối nguồn vốn 2018			Phân khai KH vốn CBĐT 2017	Tỷ lệ % vốn	Ghi chú
							Tổng cộng	Tính HTMT	Vốn NShuyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Công trình phổ thông chốt dân quân Cầu Sài Gòn I	Tân Hòa	Ban QLDA	Công trình phổ thông (nhà ở, nhà ăn, nhà vệ sinh, khu huấn luyện thể lực, nước sinh hoạt), vật chất, trang bị (chống sét, phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, TTLL quan sát)	2018	961	575		575	40	Vốn NS huyện	Bổ trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
9	Công trình phổ thông chốt dân quân Đông Hà	Tân Đông	Ban QLDA	Công trình phổ thông (nhà ở, nhà ăn, nhà vệ sinh, khu huấn luyện thể lực, nước sinh hoạt), vật chất, trang bị (chống sét, phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, TTLL quan sát)	2018	961	575		575	40	Vốn NS huyện	Bổ trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
10	Xây mới nhà làm việc phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.	Thị trấn	Ban QLDA	Xây mới trụ sở làm việc; các công trình phụ trợ nhà để xe, hàng rào, cổng và trang thiết bị khác	2018	3.000	1.800		1.800	60	Vốn NS huyện	Bổ trí 60% vốn, còn lại chờ thanh quyết toán
11	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở Huyện Ủy	Thị trấn	Ban QLDA	LD camera an ninh, cây kiểng, bồn hoa, hòn non bộ, đĩa tràn nước, sân tennis, thiết bị	2018	1.100	1.000		1.000	50	Vốn NS huyện	Bổ trí đủ vốn
II	Dành dự phòng + đối ứng CTSSCD						2.295		2.295			- Dự phòng 1,095 triệu đồng - Đối ứng 50% 2 công trình SSCĐ là 1,200 triệu đồng (chốt dân quân cầu SG II TMBT là 734 trđ; chốt dân quân suối tre TMBT là 1,634 trđ)